

PHÂN CHIA QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT LÀ TÀI SẢN CHUNG CỦA VỢ CHỒNG KHI LY HÔN: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT THEO LUẬT ĐẤT ĐAI 2024

NGUYỄN THỊ LỰU

Khoa Luật học, Trường Đại học Đà Lạt

Faculty of Law, Da Lat University

Email: luunt@dlu.edu.vn

Ngày nhận bài: 1/6/2026

Ngày sửa bài: 19/6/2026

Ngày duyệt đăng bài: 29/6/2026

Tóm tắt:

Bài viết phân tích các quy định về phân chia quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn theo Luật Đất đai năm 2024 và pháp luật có liên quan nhằm nhận diện những bất cập trong thực tiễn áp dụng và đề xuất hướng hoàn thiện. Nghiên cứu sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, đối chiếu và bình luận pháp lý trên cơ sở Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật Đất đai năm 2024, các văn bản hướng dẫn thi hành và một số bản án liên quan. Kết quả cho thấy, pháp luật đã tạo cơ sở giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất khi ly hôn, song vẫn còn gặp một số vướng mắc. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả giải quyết các tranh chấp về quyền sử dụng đất khi ly hôn.

Từ khóa: phân chia tài sản, quyền sử dụng đất, tài sản chung, ly hôn, Luật Đất đai năm 2024, đăng ký biến động

Division of land use rights as joint marital property upon divorce under the 2024 Law on Land: Shortcomings and directions for improvement

Abstract:

This study examines the legal provisions governing the division of land use rights as joint marital property upon divorce under the 2024 Law on Land and related legislation. Using legal analysis, synthesis, comparison, and commentary based on the 2014 Law on Marriage and Family, the 2024 Law on Land, implementing regulations, and selected judgments, the study identifies several practical difficulties. These include determining each spouse's contribution, applying the fault factor, handling land use rights involving third-party disputes, and recognizing agreements between spouses. Although the existing framework provides a legal basis for resolving such disputes, inconsistent interpretation and application may affect the parties' legitimate interests and prolong proceedings. The study proposes clarifying assessment criteria, improving mechanisms for handling third-party rights, strengthening the recognition of lawful agreements, and ensuring effective registration of changes after property division.

Keywords: property division, land use rights, joint marital property, divorce, the 2024 Law on Land, registration of changes

1. Đặt vấn đề

Khi ly hôn, việc chia quyền sử dụng đất (QSDĐ) là một trong những vấn đề pháp lý phức tạp và thường phát sinh nhiều tranh chấp. Giá trị của QSDĐ thường lớn, đồng thời việc xác định đây là tài sản chung hay tài sản riêng, nguồn gốc hình thành tài sản, công sức đóng góp của mỗi bên và các quyền, nghĩa vụ liên quan đòi hỏi phải căn cứ vào nhiều quy định của pháp luật cũng như chứng cứ trong từng vụ việc cụ thể.

Theo pháp luật Việt Nam, việc chia QSDĐ khi ly hôn phải bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giữa vợ và chồng, đồng thời xem xét đến quyền, lợi ích hợp pháp của các bên, quyền lợi của con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động để tự nuôi sống mình. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn còn nhiều khó khăn như: QSDĐ chỉ đứng tên một người nhưng được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân; đất được cha mẹ cho nhưng không xác định rõ là cho riêng hay cho chung; đất chưa được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ; hoặc QSDĐ đã được thế chấp, chuyển nhượng, góp vốn trước hoặc trong quá trình giải quyết ly hôn (Phạm Đức Trọng, 2019).

Những vướng mắc nêu trên dẫn đến việc áp dụng pháp luật chưa thống nhất trong một số trường hợp, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, đồng thời làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án ly hôn. Do đó, việc nghiên cứu các quy định pháp luật về phân chia QSDĐ là tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn, phân tích thực tiễn áp dụng và đề xuất các giải pháp hoàn thiện là cần thiết cả về phương diện lý luận và thực tiễn. Điều này góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp, bảo đảm công bằng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ hôn nhân và gia đình.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng đồng thời nhiều phương pháp nghiên cứu pháp lý. Trước hết, phương pháp phân tích và tổng hợp được sử dụng để nghiên cứu các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị định số 126/2014/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật hôn nhân và gia đình; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình; Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bên cạnh đó, phương pháp phân tích, đối chiếu và bình luận pháp lý được vận dụng để so sánh giữa quy định pháp luật với thực tiễn áp dụng, qua đó nhận diện các bất cập về phân chia QSDĐ là tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, bài viết đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

3. Thực trạng quy định pháp luật về phân chia quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn

Việc phân chia quyền sử dụng đất (QSDĐ) là tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn là một trong những nội dung quan trọng trong giải quyết ly hôn. Theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (Quốc hội, 2014), “Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố: (i) hoàn cảnh của gia đình và của vợ, chồng; (ii) công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung; (iii) bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong sản xuất, kinh doanh và nghề nghiệp; (iv) lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng.” Quy định này đặt nền tảng cho việc phân chia QSDĐ một cách linh hoạt, phản ánh nguyên tắc bình đẳng có xem xét đến hoàn cảnh cụ thể, theo đó việc chia tài sản không phải lúc nào cũng tuyệt đối theo tỷ lệ ngang bằng mà phụ thuộc vào điều kiện thực tế và mức độ đóng góp của mỗi bên. Chẳng hạn, hoàn cảnh của vợ, chồng được xem xét trên các phương diện như sức khỏe, khả năng tạo thu nhập và nghĩa vụ trực tiếp

nuôi con sau ly hôn; bên gặp nhiều khó khăn hơn về điều kiện sống có thể được chia phần tài sản lớn hơn (Quốc hội, 2014; Phạm Đức Trọng, 2019). Bên cạnh đó, khi xác định công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung, lao động trong gia đình, bao gồm chăm sóc con cái và nội trợ, được xem là có giá trị như lao động có thu nhập, qua đó bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người không trực tiếp tạo ra thu nhập nhưng có đóng góp quan trọng trong việc duy trì đời sống gia đình (Phạm Đức Trọng, 2019).

Ngoài ra, pháp luật cũng ghi nhận nguyên tắc “ưu tiên bảo vệ điều kiện hành nghề, sản xuất, kinh doanh” của mỗi bên. Nguyên tắc quan trọng khác là xét đến “lỗi” của mỗi bên. Nếu một bên vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hôn nhân (như ngoại tình, bạo lực gia đình, phá sản tài sản...), Tòa án có thể xem xét giảm phần tài sản được chia để bảo đảm công bằng cho bên còn lại, đặc biệt, khi có con chưa thành niên hoặc người phụ thuộc cần được chăm sóc.

QSDĐ mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng (Quốc hội, 2014).

Chia QSDĐ của vợ chồng khi ly hôn:

Thứ nhất, QSDĐ là tài sản riêng của bên nào thì khi ly hôn vẫn thuộc về bên đó.

Thứ hai, việc QSDĐ là tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn được thực hiện như sau:

Một là, đối với đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản, nếu cả hai bên đều có nhu cầu và có điều kiện trực tiếp sử dụng đất thì được chia theo thỏa thuận của hai bên; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp chỉ một bên có nhu cầu và có điều kiện trực tiếp sử dụng đất thì bên đó được tiếp tục sử dụng nhưng phải thanh toán cho bên kia phần giá trị QSDĐ mà họ được hưởng;

Hai là, trong trường hợp vợ chồng có QSDĐ nông nghiệp trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản chung với hộ gia đình thì khi ly hôn phần QSDĐ của vợ chồng được tách ra và chia theo thỏa thuận. Nếu cả hai bên đều có nhu cầu và có điều kiện trực tiếp sử dụng đất thì được chia theo thỏa thuận của hai bên; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ba là, đối với đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp để trồng rừng, đất ở thì được chia theo thỏa thuận của hai bên vợ chồng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bốn là, đối với loại đất khác thì được chia theo quy định của pháp luật về đất đai.

Thứ ba, trong trường hợp vợ chồng sống chung với gia đình mà không có QSDĐ chung với hộ gia đình thì khi ly hôn quyền lợi của bên không có QSDĐ và không tiếp tục sống chung với gia đình vẫn được chia tài sản. Nghĩa là, nếu tài sản của vợ chồng trong khối tài sản chung của gia đình không xác định được thì vợ hoặc chồng được chia một phần trong khối tài sản chung của gia đình căn cứ vào công sức đóng góp. Trường hợp xác định được theo phần thì khi ly hôn, phần tài sản của vợ chồng được trích ra từ khối tài sản chung đó để chia tài sản chung của vợ chồng (Quốc hội, 2014).

Theo khoản 1 Điều 34 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 trong trường hợp tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng thì giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng phải ghi tên của cả vợ và chồng, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác (Quốc hội, 2014).

Điều 135 Luật Đất đai năm 2024, trường hợp QSDĐ hoặc QSDĐ, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là tài sản chung của vợ và chồng thì phải ghi cả

họ, tên vợ và họ, tên chồng vào Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp vợ và chồng có thỏa thuận ghi tên một người để đứng tên làm đại diện cho vợ và chồng (Quốc hội, 2024).

Trường hợp QSDĐ hoặc QSDĐ, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là tài sản chung của vợ và chồng mà Giấy chứng nhận QSDĐ, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và QSDĐ ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng, Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã cấp chỉ ghi họ, tên của vợ hoặc chồng thì được cấp đổi sang Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất để ghi cả họ, tên vợ và họ, tên chồng nếu có yêu cầu.

Trường hợp thửa đất thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình thì cấp một Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất ghi đầy đủ tên thành viên có chung QSDĐ của hộ gia đình trên Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và trao cho người đại diện. Trường hợp các thành viên có chung QSDĐ của hộ gia đình có nhu cầu thì cấp một Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất ghi tên đại diện hộ gia đình trên Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và trao cho người đại diện hộ gia đình.

Việc xác định các thành viên có chung QSDĐ của hộ gia đình để ghi tên trên Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do các thành viên này tự thỏa thuận và chịu trách nhiệm trước pháp luật (Quốc hội, 2024).

Như vậy, nếu tài sản chung của vợ chồng là QSDĐ hoặc QSDĐ, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất chỉ để tên người vợ hoặc người chồng, trong trường hợp có yêu cầu cơ quan có thẩm quyền sẽ cấp đổi sang Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất để ghi cả họ, tên vợ và họ, tên chồng.

Theo Khoản 3 Điều 27 Luật đất đai năm 2024 (Quốc hội, 2024) về việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện các quyền của người sử dụng đất.

Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng QSDĐ, QSDĐ và tài sản gắn liền với đất phải được công chứng hoặc chứng thực, trừ trường hợp hợp đồng cho thuê, cho thuê lại QSDĐ, QSDĐ và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi QSDĐ nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng QSDĐ, QSDĐ và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các bên tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản được công chứng hoặc chứng thực theo yêu cầu của các bên;

Văn bản về thừa kế QSDĐ, QSDĐ và tài sản gắn liền với đất được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về dân sự;

Theo quy định này, trường hợp vợ chồng thỏa thuận phân chia tài sản chung là QSDĐ và tài sản gắn liền với đất thì không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

Tuy nhiên, theo Khoản 1 Điều 133 Luật Đất đai năm 2024 (Quốc hội, 2024) quy định về đăng ký biến động, cụ thể như sau: “Đăng ký biến động được thực hiện đối với trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và QSDĐ ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng hoặc Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc Giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà có thay đổi sau đây:

Thay đổi QSDĐ, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi

mô hình tổ chức hoặc sự thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng hoặc của nhóm người sử dụng đất chung, nhóm chủ sở hữu tài sản chung gắn liền với đất...”.

Như vậy, theo quy định của pháp luật về đất đai, việc chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất của vợ chồng thuộc trường hợp phải đăng ký biến động. Để thực hiện việc đăng ký biến động, khi phân chia tài sản chung là QSDĐ, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ chồng phải lập thành văn bản và được công chứng, chứng thực tại cơ quan có thẩm quyền.

Một số bản án liên quan

- Bản án số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh M phản ánh vấn đề công sức đóng góp của lao động làm công việc nội trợ. Trong vụ việc, người vợ yêu cầu được chia 60% tài sản chung vì là người nuôi con và toàn bộ thời gian hôn nhân không có thu nhập do ở nhà chăm sóc gia đình. Người chồng phản đối vì cho rằng vợ không đóng góp tài chính. Tòa án đã viện dẫn Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP để khẳng định, công việc nội trợ cũng là đóng góp vật chất và tinh thần để chia tài sản theo tỷ lệ 55% cho người vợ (Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, 2021).

- Bản án số 02/2019/HNGĐ-PT ngày 25/1/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B nêu rõ tác động của lỗi trong quan hệ hôn nhân đến kết quả chia tài sản. Trong vụ việc, người chồng bị xác định có hành vi bạo lực gia đình, thường xuyên đập phá tài sản và từng bị xử phạt hành chính. Tòa án quyết định chia tài sản theo tỷ lệ 40% cho người chồng và 60% cho người vợ với lý do người chồng “vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng, ảnh hưởng trực tiếp đến tài sản chung và an toàn của thành viên trong gia đình” (Tòa án Nhân dân tỉnh Ninh Bình, 2019).

4. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về phân chia quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn

Thứ nhất, cần có hướng dẫn cụ thể hơn về tiêu chí xác định công sức đóng góp của vợ chồng trong việc tạo lập QSDĐ. Mặc dù, Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP đã công nhận giá trị của lao động nội trợ, nhưng chưa có cơ chế lượng hóa công sức đóng góp này một cách cụ thể dẫn đến đánh giá còn cảm tính và thiếu thống nhất giữa các hội đồng xét xử. Để bảo đảm bảo vệ quyền lợi của người làm công việc nội trợ, ngoài tính theo thu nhập tương đương, cần tính đến những chi phí thay thế. Đó là số tiền ước tính phải chi trả nếu thuê người giúp việc, bảo mẫu để thực hiện các công việc tương tự trong suốt thời kỳ hôn nhân. Việc ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết sẽ giúp Tòa án áp dụng nguyên tắc chia tài sản một cách hợp lý, đồng thời, bảo vệ quyền lợi của người yếu thế trong hôn nhân, đặc biệt là phụ nữ với vai trò là lao động nội trợ.

Thứ hai, cần bổ sung cơ chế xác lập và bảo vệ thỏa thuận về QSDĐ giữa vợ chồng. Mặc dù Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho phép lựa chọn chế độ tài sản theo thỏa thuận nhưng chưa có hướng dẫn cụ thể về hình thức, nội dung, thủ tục công chứng hay hiệu lực pháp lý của loại thỏa thuận này. Nhất là về QSDĐ thường xảy ra nhiều tranh chấp giữa vợ chồng khi ly hôn. Do đó, cần xây dựng mẫu hợp đồng thỏa thuận về QSDĐ giữa vợ chồng trước và trong hôn nhân để khuyến khích các bên chủ động minh bạch hóa tài sản giúp giảm thiểu tranh chấp về QSDĐ khi ly hôn.

Thứ ba, làm rõ tiêu chí áp dụng yếu tố lỗi trong chia QSDĐ của vợ chồng khi ly hôn. Pháp luật hiện hành cho phép tính đến lỗi của một bên trong quan hệ hôn nhân, song chưa có tiêu chí để xác định lỗi và mức độ ảnh hưởng đến tỷ lệ chia QSDĐ của vợ chồng. Do đó, cần quy định cụ thể, chi tiết hơn về các tiêu

chí cụ thể như cần cung cấp các minh chứng để xác định lỗi “nghiêm trọng” và mức độ ảnh hưởng đến tỷ lệ chia tài sản.

Thứ tư, bổ sung cơ chế xử lý QSDĐ có tranh chấp với bên thứ ba. Thực tiễn phổ biến là QSDĐ đã chuyển nhượng trước khi ly hôn mà không có sự đồng ý của bên còn lại. Trong nhiều trường hợp, Tòa án tách riêng vụ án ly hôn và vụ kiện về tranh chấp QSDĐ dẫn đến kéo dài quá trình tranh chấp. Do đó, cần hướng dẫn cho phép xét xử đồng thời hoặc tạm đình chỉ hợp lý các phần liên quan trong cùng một vụ án ly hôn để nâng cao hiệu quả và rút ngắn thời gian giải quyết.

Thứ năm, phát triển cơ chế hòa giải tiền tố tụng về QSDĐ. Giải quyết vụ việc ly hôn hiện nay chủ yếu diễn ra tại Tòa án, thiếu các cơ chế hỗ trợ tâm lý, pháp lý ban đầu dẫn đến nhiều vụ việc trở nên đối đầu, căng thẳng. Việt Nam có thể nghiên cứu việc xây dựng các trung tâm hòa giải tài sản độc lập hoặc lồng ghép hòa giải bắt buộc trong thủ tục khởi kiện ly hôn có tranh chấp tài sản chung để khuyến khích vợ chồng tự thỏa thuận để chia QSDĐ với nhau.

5. Kết luận

Chia QSDĐ của vợ chồng khi ly hôn là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong pháp luật hôn nhân và gia đình, không chỉ điều chỉnh quyền lợi vật chất giữa vợ, chồng mà còn phản ánh sâu sắc nguyên tắc công bằng, bình đẳng và nhân văn trong quan hệ gia đình. Trong bối cảnh xã hội hiện đại, khi tỷ lệ ly hôn ngày càng tăng, cấu trúc tài sản vợ chồng ngày càng đa dạng, phức tạp, việc thiết lập và áp dụng hiệu quả các quy định pháp luật liên quan đến chia QSDĐ trở thành yếu tố then chốt để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên vợ, chồng, góp phần ổn định xã hội, nâng cao tinh thần thượng tôn pháp luật.

Nghiên cứu phân tích cơ sở lý luận và các nguyên tắc pháp luật hiện hành về chia QSDĐ của vợ chồng khi ly hôn, làm rõ những yếu tố ảnh hưởng đến việc phân chia QSDĐ. Trên cơ sở đó, chỉ ra những hạn chế đang tồn tại trong quy định và áp dụng pháp luật, đồng thời, đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về chia QSDĐ của vợ chồng khi ly hôn theo hướng quy định cụ thể, rõ ràng, nhất quán và phù hợp với thực tế ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Chính phủ. (2014). Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

Nguyễn Thị Hương. (2025). Chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn - thực trạng và kiến nghị hoàn thiện pháp luật. Tạp chí Dân chủ và Pháp luật <https://danchuphapluat.vn/chia-tai-san-chung-cua-vo-chong-khi-ly-hon-thuc-trang-va-kien-nghi-hoan-thien-phap-luat-7479-7479.html&link=autochanger>

Phạm Đức Trọng (Chủ biên). (2019). Giáo trình Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam. Nhà xuất bản Hồng Đức.

Quốc hội. (2014). Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13, ngày 19/6/2014.

Quốc hội. (2024). Luật Đất đai số 31/2024/QH15, ngày 18/1/2024.

Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. (2021). Bản án số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 25/5/2021.

Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình. (2019). Bản án số 02/2019/HNGĐ-PT ngày 25/1/2019.